

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Minh Sửu

2. Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Tú A, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn , xã T2, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Ích T, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn , xã X, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Chu Thị Tú A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tại địa phương, làm đăng ký kết hôn tại

UBND xã X vào ngày 01/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến đầu năm 2020 thì tình cảm vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh T không tin tưởng chị, tính hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên dùng những lời lẽ lăng mạ, xỉ nhục chị, nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng. Từ khoảng tháng 8/2020 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nên vợ chồng đã chính thức ly thân cho đến nay. Gia đình hai bên có khuyên bảo cho vợ chồng, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn gay gắt và không thể dàn xếp được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Tú A xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 18/7/2017, hiện tại con đang ở với chị. Ly hôn nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi con; chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản: Chị Tú A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2021, bị đơn là anh Đỗ Ích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tú A kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới đàng hoàng và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 01/4/2015. Sau khi kết hôn tình cảm giữa vợ chồng bình thường, tuy nhiên từ giữa năm 2019 thì anh có nghi ngờ chị Tú A không chung thủy, bên cạnh đó kể từ khi vợ chồng lấy nhau chị Tú A chỉ sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ, mà không về sinh sống cùng gia đình anh; đã nhiều lần anh bảo chị Tú A về sinh sống cùng gia đình anh nhưng chị Tú A không nghe; anh cũng không được biết chuyện làm ăn của chị Tú A như thế nào. Tình cảm vợ chồng phai nhạt từ khoảng nửa năm nay. Nay chị Tú A yêu cầu giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý vì mong muốn con anh có một gia đình đầy đủ bố mẹ.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 18/7/2017. Quan điểm của anh T là nếu Tòa giải quyết ly hôn, thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị Tú A phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 11/3/2021, đại diện Ủy ban nhân xã Xuân Trường cho biết: Chị Chu Thị Tú A và anh Đỗ Ích T có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Xuân Trường vào ngày 01/4/2015. Quá trình chung sống chị Tú A không chuyển khẩu về xã Xuân Trường; Chị Tú A làm ăn và sinh sống tại xã Thuận Minh, còn anh T là giáo viên dạy ở trường Thuận Minh; giữa vợ chồng anh T và chị Tú A có mâu thuẫn hay không, mâu thuẫn thế nào, địa phương không rõ. Chị Tú A và anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 18/7/2017, hiện tại đang ở với chị Tú A.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Tú A được ly hôn với anh Đỗ Ích T. Về con chung: Giao cháu Đỗ Gia B cho chị Chu Thị Tú A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đỗ Ích T không phải cấp dưỡng. Về án phí: Chị Tú A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Chu Thị Tú A khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đỗ Ích T, cư trú tại: Thôn 6, xã Xuân Trường, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đỗ Ích T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Tú A và anh Đỗ Ích T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/4/2015, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tú A và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; đến đầu năm 2020 thì tình cảm giữa vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt gia đình về chỗ ở, công việc của vợ chồng, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Từ tháng 8/2020 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị Tú A một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không đến tòa án làm việc, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức và các phiên tòa, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tú A và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Tú A, xử cho chị Chu Thị Tú A được ly hôn với anh Đỗ Ích T.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị Tú A và anh Đỗ Ích T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 18/7/2017.

Xét: cháu Bình là con chung của vợ chồng hiện đang còn nhỏ và đang ở ổn định với chị Tú A, được chị Tú A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ sau khi vợ chồng sống ly thân đến nay; Chị Tú A có đủ các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; trong khi anh T chỉ thể hiện quan điểm qua bản tự khai ngày 11/3/2021, qua trình quá trình giải quyết vụ án không đến tòa án làm việc, không chứng minh được điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần thiết giao con chung cho chị Tú A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Tú A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị Tú A và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về phần tài sản: Chị Chu Thị Tú A và anh Đỗ Ích T đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị Tú A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Tú A được ly hôn với anh Đỗ Ích T.

2. Về con chung: Chị Chu Thị Tú A và anh Đỗ Ích T có 01 con chung là cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 18/7/2017.

Giao cháu Đỗ Gia B cho chị Chu Thị Tú A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Đỗ Ích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Ích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Chu Thị Tú A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Tú A đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006287 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1. Chị Chu Thị Tú A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến